

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày 05 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P T, TỈNH G L

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Rmah Hoa và bà Nguyễn Thị Huê

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện P T, tỉnh G L.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P Th, tỉnh G L tham gia phiên tòa:** Ông Ksor Yanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện P T, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/QĐXXST-HS ngày 16/8/2024 đối với bị cáo:

Trần Duy Q, sinh ngày 26/9/2002 tại huyện P T, tỉnh G L; Nơi cư trú: Plei L, xã I A, huyện P T, tỉnh G L; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Bùi Thị Kim L; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 27/5/2024, tạm giam ngày 29/5/2024 đến nay. Có mặt

- **Bị hại:** Anh Vũ Văn C, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Tổ 11, thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L. Có mặt

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Vũ Văn V, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ 12, thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L. Có mặt

- **Người làm chứng:** Anh Triệu Văn S, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn Plei Mun M, xã I A, huyện P T, tỉnh G L. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ sáng ngày 20/4/2024, Trần Duy Q đến nhà anh Vũ Văn C chơi, tại đây Q vào phòng anh C đang ngủ và mượn điện thoại Iphone 5 của anh C để lên mạng Internet. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, thấy anh C đang ngủ, bên cạnh anh C có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax đang sạc pin nên Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Q rút dây sạc pin bỏ điện thoại di động vào túi áo và đi ra phía sau nhà, thấy 01 xe mô tô BKS 69D1 -417.62 của anh C vẫn cắm chìa khóa ổ điện. Q dắt xe mô tô ra ngoài rồi nổ máy xe điều

khiến đi đến tiệm điện thoại Q V của anh Vũ Văn V cầm cố điện thoại trộm cắp được với số tiền 8.000.000 đồng, còn xe mô tô Q điều khiển đến nhà anh Triệu Văn S và để xe ở sân nhà S. Sau đó, Q đón xe khách đến Tp P, G L chơi. Khi phát hiện mất tài sản, anh C đến Công an thị trấn P T, huyện P T làm đơn trình báo vụ việc trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 02/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P T, kết luận trị giá 01 (Một) xe mô tô BKS 69D1 -417.62 tại thời điểm trộm cắp là 5.500.000 đồng và trị giá 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax 512Gb tại thời điểm trộm cắp là 10.500.000 đồng. Tổng trị giá 16.000.000 đồng.

Về đồ vật, tài liệu tạm giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện P T đã trả lại 01 (Một) xe mô tô BKS 69D1 -417.62 và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax 512Gb cho anh Vũ Văn C là chủ sở hữu hợp pháp, nên không đề cập đến.

Về dân sự: Anh Vũ Văn C đã nhận lại tài sản trộm cắp và không yêu cầu bồi thường dân sự nên không đề cập đến.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng mà bị can Trần Duy Q cầm cố điện thoại trộm cắp tại tiệm điện thoại của anh Vũ Văn V, hai bên tự thỏa thuận với nhau về số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKS ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh G L đã truy tố bị cáo Trần Duy Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh G L giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Duy Q về tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Duy Q với mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 27/5/2024).

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi trộm cắp điện thoại, bị cáo đã thế chấp cho anh Vũ Văn V lấy số tiền 8.000.000 đồng; nay chưa trả lại cho anh V; cần buộc bị cáo phải trả cho anh V 8.000.000 đồng.

Đối với người bị hại, đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm; nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Ý kiến của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Thống nhất với tội danh, điều, khoản và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt; về trách nhiệm dân sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với những chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 20/4/2024, tại nhà anh Vũ Văn C tại tổ dân phố 11, thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L, Trần Duy Q lợi dụng lúc anh C đang ngủ, đã lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax và 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, với tổng trị giá 16.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh G L đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật; xâm phạm đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Do đó, cần xử phạt tù bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, mới đạt được mục đích giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[2] Đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã “Đầu thú”, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Về những chứng cứ buộc tội, tội danh, điều, khoản áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về trách nhiệm dân sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với kết quả Nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về ý kiến của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều, khoản áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về trách nhiệm dân sự, nên hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với các vấn đề có liên quan:

Đối với Vũ Văn V là người cầm cố điện thoại di động do Trần Duy Q trộm cắp. Tuy nhiên, khi nhận cầm cố anh V không biết tài sản do Trần Duy Q phạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện P T không đề cập xử lý là đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Duy Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Duy Q 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 27/5/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Buộc bị cáo Trần Duy Q trả lại cho anh Vũ Văn V số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Duy Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng ($8.000.000 \text{ đ} \times 5\% = 400.000 \text{ đồng}$) án phí dân sơ sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND huyện P T;
- VKSND tỉnh G L;
- Công an huyện P T;
- Chi Cục THS DS huyện P T;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Đình Mạnh